

LƯU LƯỢNG KẾ ORIFICE

Orifice độ chính xác cao (cụm meter run)

High Accuracy Orifice

MODEL : DHOF-H



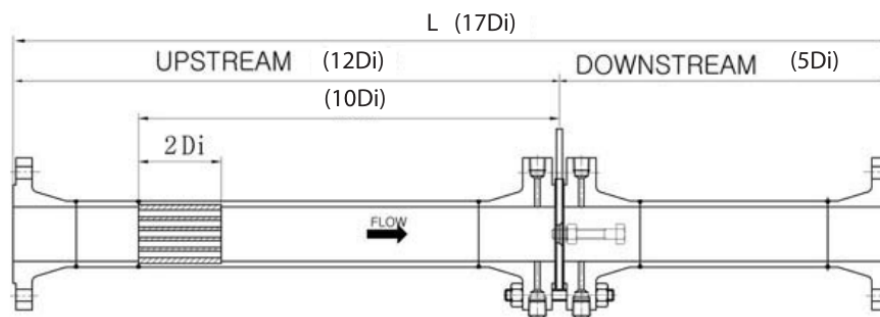
DHOF-H

Cụm orifice độ chính xác cao (DHOF-H) là cụm lắp ráp gồm mặt bích orifice, ống meter run và bộ nắn dòng (flow straightener).

Model DHOF-H□: dùng cùng tấm orifice DHOF-H□ có mặt bích Weld Neck, ống meter run, bộ nắn dòng v.v. Là kiểu ống meter run, DHOF-H□ chỉ được cung cấp dưới dạng cụm lắp ráp (Assembly).

Độ chính xác 0.25% / 0.3% Meter run L = 17Di 1B ~ 32B (25A ~ 800A) ASME B16.36

Nguyên lý đo



Cấu hình meter run: thượng lưu 12Di (bộ chỉnh dòng 2Di @ 10Di) · hạ lưu 5Di · L = 17Di

Tổng chiều dài meter run L là 17Di (Di: đường kính trong ống), gồm thượng lưu 12Di · hạ lưu 5Di.

Ở đoạn thượng lưu, bộ nắn dòng dài 2Di (chọn trong Tube Bundle, Etoile, AMCA, K-Lab, NEL) được lắp tại vị trí cách orifice 10Di để nắn dòng chảy vào orifice.

Chênh áp lấy từ tap mặt bích orifice được đo bằng bộ chuyển đổi (kiểu tích hợp hoặc kiểu tách rời), đầu ra 4~20mA hoặc 1~5V.

Loại · Cấu hình model

Hạng mục	DHOF-H Cụm meter run orifice độ chính xác cao
Đặc điểm	Độ chính xác cao (High accuracy)
Turndown	4:1
Vật liệu	Plate: STS304, STS316, Inconel, Monel, Hastelloy, Teflon · Flange: C.S, STS304, STS316, Inconel, Monel, Hastelloy, A182 F11, F22, F51
Kết nối	Flange 300#, 600#, 900#, 1500#
Đường ống áp dụng	2B ~ 24B (50A ~ 600A) Pipe & Duct
Tiêu chuẩn áp dụng	ISO5167-2
Độ chính xác	Trong $\pm 0.3\%$ khi hiệu chuẩn (In less than $\pm 0.3\%$ calibration)

Thông số kỹ thuật

Hạng mục	Giá trị
Độ chính xác (1B ~ 20B, 40A ~ 500A)	0.25%
Độ chính xác (22B ~ 32B, 550A ~ 800A)	0.3%
Turndown (Turndown Range)	4:1
Cỡ ống danh nghĩa	1B ~ 32B (25A ~ 800A)
Chiều dài meter run	L = 17Di (thượng lưu 12Di, hạ lưu 5Di) · bộ nắn dòng dài 2Di, tại vị trí thượng lưu orifice 10Di
Cấp mặt bích (Flange Rating)	ASME(ANSI) 300#, 600#, 900# · Standard: ASME B 16.36
Tiêu chuẩn tính toán lưu lượng	ISO5167-2003, ASME PTC, AGA3, JIS Z 8762, KS A 0612
Tiêu chuẩn áp dụng (Regulations)	ISO5167-2
Vật liệu mặt bích	Carbon steel · 304(L)SS, 316(L)SS · Ni, Cr, Mo Alloy steel (A182 F11 to 91)
Vật liệu tấm	304(L)SS, 316(L)SS · Ni, Cr, Mo Alloy steel (A182 F11 to 91) · Inconel, Hastelloy, Monel etc
Vật liệu ống meter run	A106 · 304(L)SS, 316(L)SS · Ni, Cr, Mo Alloy steel (A335 F11 to 91)
Kết nối tap 1 (ren trực tiếp trên mặt bích)	1/2NPTF, 3/4NPTF, 1/2SW, 3/4SW
Kết nối tap 2 (nối nipple)	1/2NPTM, 3/4NPTM, socket weld, butt weld or flange
Bộ nắn dòng	Tube Bundle, Etoile, AMCA, K-Lab, NEL
Bộ chuyển đổi	One Body (kiểu tích hợp) / Separation Type (kiểu tách rời)
Đầu ra	4 ~ 20mA / 1 ~ 5V / etc

Tiêu chuẩn áp dụng · ISO 5167-2 (2003) · ASME B16.36 · ASME PTC · AGA 3 · JIS Z 8762 · KS A 0612

Yêu cầu lắp đặt

- Cụm meter run (thượng lưu 12Di + hạ lưu 5Di = 17Di) được nối với đường ống bằng mặt bích ở hai đầu.
 - Tap chênh áp nối ren trực tiếp trên mặt bích (1/2 · 3/4 NPT F, 1/2 · 3/4 SW) hoặc nối bằng nipple (1/2 · 3/4 NPT M, hàn socket · hàn giáp mối · mặt bích).
- Bộ chuyển đổi có thể đặt hàng kiểu tích hợp (One Body) hoặc kiểu tách rời (Separation Type).

Thông tin đặt hàng (How to Order)

1 Model
DHOF-H High Accuracy Orifice Assembly

2 Nominal Pipe Size
(size) Pipe size in inch or mm

3 Flange Rating
30 300#
60 600#
90 900#
O1 Option

4 Plate Material
4(L)S 304(L)SS
6(L)S 316(L)SS
I6 Inconel 600
HS Hastelloy-C 276
O2 Option

5 Flange Material
CS Carbon Steel
4S 304(L)SS
6S 316(L)SS
11 A182 F11
12 A182 F12
22 A182 F22
51 A182 F51
91 A182 F91
O3 Option

6 Meter Run Tube Material
CS Carbon Steel
4S 304(L)SS
6S 316(L)SS
11 A335 P11
12 A335 P12
22 A335 P22
51 A335 P51
91 A335 P91
O4 Option

7 Diff' Pressure Taps
0 MFR STD
1 NPT 1/2
2 NPT 3/4
3 SW 1/2
4 SW 3/4
O5 Option

8 Flow Straightener
T Tube Bundle
E Etoile
A AMCA
K K-Lab
N NEL
O6 Option

9 Transmitter
O One Body
S Separation Type
O7 Option

10 Output
A 4 ~ 20mA
V 1 ~ 5V
R etc